TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2026/HNGĐ-ST Ngày: 08-6-2026 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Thu Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Ngon;

2. Bà Lâm Thị Ngọc Huệ;

Thư ký phiên tòa*:* Bà Bùi Thị Thu Trang – Thư ký nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 –Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Huy – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 85/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Chúc L, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp S, phường Đ, Thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Võ Trí T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh.

(Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 23/02/2026, nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L trình bày như sau:

Bà và ông T cưới nhau vào năm 2022, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An cũ (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian ngắn thì phát

sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm và không còn tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01 năm 2024 đến nay. Nay bà L nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn về điều kiện kinh tế nên bà L đồng ý giao 02 con chung là cháu Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Võ Trí T trình bày:

Ông T và bà L tiến tới hôn nhân vào năm 2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An cũ. Vợ chồng ông T chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là mâu thuẫn về kinh tế gia đình và bà L thường xuyên nhắn tin điện thoại với bạn bè không quan tâm đến gia đình, nên vợ chồng cãi nhau. Đến đầu năm 2025, bà L về quê cha mẹ ruột của bà L ở Cần Thơ. Thời điểm bà L về quê thì có đưa cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024 về cùng với bà L, còn cháu T1 thì vẫn sống chung với ông T. Đầu tháng 4/2025, bà L có liên lạc với ông T về quê của bà L ở Cần Thơ để làm thủ tục thuận tình ly hôn với bà L. Ông T đồng ý. Nhưng khi đến nhà bà L thì ông T được biết sau khi ly hôn thì bà L sẽ đi xuất khẩu lao động, vì vậy ông T yêu cầu bà L giao 02 con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà L không đồng ý nên ông T bỏ về. Ông T đi được một đoạn thì bà L gọi điện thoại cho ông T kêu quay lại rước cháu N về nuôi dưỡng. Ông T mới quay lại rước cháu N về nuôi dưỡng từ tháng 4/2025 cho đến nay.

Nay, bà L yêu cầu ly hôn với ông T thì ông T đồng ý ly hôn. Về con chung, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024, ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông T đang làm thợ sửa chữa xe cẩu, thợ hàn, thu nhập trung bình của ông T là từ 15.000.000 đồng -20.000.000 đồng. Trong thời gian ông T đi làm thì 02 con do mẹ ruột của ông T chăm sóc, mẹ ông T năm nay 50 tuổi. Ông T không đồng ý giao cháu N cho bà L nuôi dưỡng vì trước đây bà L đã chủ động giao 02 con chung cho ông T. Trong thời gian bà L nuôi dưỡng cháu N thì bà L chăm sóc con không được chu đáo, mặc dù ông T có gửi tiền để mua sữa cho con nhưng ông T thấy bà L mua đồ cho con không đầy đủ, thậm chí bà L còn đem bông tai của cháu N đi cầm. Ngoài ra, khi vợ chồng cãi nhau ở quê bà L thì bà L nói là bán con cho ông T với giá 100.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân, Thư ký phiên tòa theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị Chúc L đối với bị đơn ông Võ Trí T.

Về hôn nhân: Bà Dương Thị Chúc L được ly hôn với ông Võ Trí T.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Dương Thị Chúc L và ông Võ Trí T đều xác định không có, nên không xem xét.

Về án phí: Bà Dương Thị Chúc L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Dương Thị Chúc L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Trí T là quan hệ tranh chấp ly hôn. Ông T có nơi cư trú tại ấp N, xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Tây Ninh.

Bà L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Dương Thị Chúc L và ông Võ Trí T cưới nhau vào năm 2022, có thực hiện việc đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2022 ngày 01/6/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Long An cũ (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) là hôn nhân là hợp pháp.

Bà L giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn về phía ông T trình bày ông T cũng đồng ý ly hôn với bà L. Qua đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông T không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không được đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn về điều kiện kinh tế nên bà L đồng ý giao 02 con chung là cháu Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông T cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T1 và cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao 02 con chung tên Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024 cho ông T

nuôi dưỡng. Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T xác định không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Chúc L về việc tranh chấp ly hôn đối với ông Võ Trí T .

Về hôn nhân: Bà Dương Thị Chúc L được ly hôn với ông Võ Trí T.

Về con chung: Giao ông Võ Trí T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên cháu Võ Thị Bảo T1, sinh ngày 12/11/2022 và cháu Võ Bảo N, sinh ngày 16/01/2024. Bà Dương Thị Chúc L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Bà Dương Thị Chúc L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004029 ngày 04/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, bà L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 6 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Tân Lân, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Võ Thu Xuân